

Bản án số 112/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11/09/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh
X với chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC Q

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chấn

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Q.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn E Tùng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Q mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1989; có mặt

Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Q

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; có mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Q

Nơi đăng ký tạm trú: khu dân cư V, phường Văn E, thành phố F, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, được sự đồng ý của hai bên gia đình anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu qua mạng xã hội. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, chị T về nhà anh làm dâu ngay. Anh và chị T sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2020 đầu năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra cãi nhau.

Tháng 02/2023 chị T đã tự ty dọn đồ dùng cá nhân, dẫn theo các con nhỏ về nhà bố mẹ để chị sinh sống. Từ khi chị T về nhà mẹ chị ở, anh có một lần xuống đón mẹ con chị T về đoàn tụ gia đình, nhưng chị T không về. Từ đó anh và chị T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T sinh được 02 con chung là Nguyễn Trường Q, sinh ngày 16/08/2017 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 22/08/2019. Cả 02 con đang ở với chị T, các cháu vẫn ngoan, phát triển bình thường. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con lớn là cháu Nguyễn Trường Q. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm thợ xây, thu nhập 350.000 đồng/ngày. Ngoài ra, anh không có thu nhập cũng như tài sản riêng nào khác.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn X. Trước khi kết hôn chị và anh X có được tự nguyện tìm hiểu, nhưng thời gian không dài, chỉ khoảng 02 tháng. Chị và anh X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau đám cưới chị về nhà anh X làm dâu ngay. Chị và anh X rất ít xảy ra cãi nhau, vì anh X ít nói, nhưng do anh X nghe các cô, dì, chú, bác trong gia đình nói chị lười lao động, anh X có tâm lý không được ổn định nên đã đánh chị hai lần. Do mẹ chồng, các cô, các bác, các chú nhà chồng cho rằng chị lười lao động nên đã đuổi chị ra khỏi nhà, tháng 02/2023 chị đã dọn đồ dùng cá nhân, dẫn theo các con về nhà bố mẹ để chị sinh sống. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ chị ở, anh X không lần nào xuống đón mẹ con chị về đoàn tụ gia đình, từ đó chị và anh X sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh X đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, anh X xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn X sinh được 02 con chung là Nguyễn Trường Q, sinh ngày 16/08/2017 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 22/08/2019. Cả 02 con đang ở với chị, các cháu vẫn ngoan, phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con. Chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị, chị đang làm công nhân tại công ty điện tử Boyon Trung Quốc tại Quốc lộ số 1, phường Cộng Hòa, thành phố Chính Linh, tỉnh Hải Dương. Chị làm 08 giờ/ngày, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng, có ngày chị làm tăng ca thêm khoảng 03 tiếng/ngày, thu nhập 30.000đ/tiếng. Chị chưa có nhà, đất riêng. Ngoài ra, bố mẹ đẻ chị có làm cho các con chị 01 sổ tiết kiệm 100.000.000 đồng gửi ngân hàng Aribank, tại phường Sao Đỏ, thị xã F. Vì vậy, chị đủ điều kiện để nuôi các con chị trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản (công nợ): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn X và chị Nguyễn Thị T; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi cả 02 con; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn X yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại thành phố F, tỉnh Hải Dương, nhưng các đương sự có đơn văn bản thỏa thuận Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết vụ việc. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn X kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam ngày 19/09/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh X và chị T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh X và chị T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh X và chị T đều nhất trí ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn X và chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn X và chị Nguyễn Thị T sinh được 02 con chung là Nguyễn Trường Q, sinh ngày 16/08/2017 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 22/08/2019, đang ở với chị T. Ly hôn, anh Nguyễn Văn X yêu cầu được nuôi con lớn là Nguyễn Trường Q, còn con bé là Nguyễn Ngọc K để chị T nuôi; chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi cả 02 con. Xét yêu cầu của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian anh Nguyễn Văn X chung sống với chị Nguyễn Thị T tuy có biểu hiện tâm lý không ổn định do dùng rượu, phải đi điều trị tại bệnh viện hai đến ba lần, nhưng một năm trở lại đây, anh X không uống rượu, sức khỏe, tâm lý ổn định, lao động bình thường; chị Nguyễn Thị X không muốn mỗi con ở một nơi, ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Tuy nhiên, xét về quyền lợi trước mắt cũng như lâu dài của các con, với công việc, thu nhập của chị T nếu nuôi cả 02 con sẽ rất khó khăn, trong khi đó anh X

cũng đủ điều kiện để nuôi con, nên giao cho anh Nguyễn Văn X và chị Nguyễn Thị T mỗi người nuôi một con là phù hợp. Cụ thể giao cho anh X nuôi con Nguyễn Trường Q, sinh ngày 16/08/2017; giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 22/08/2019. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xứ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn X và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường Q, sinh ngày 16/08/2017 cho anh Nguyễn Văn X nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 22/08/2019 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn X, chị Nguyễn Thị Tuyết có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp theo biên lai thu số 0014605 ngày 02 tháng 06 năm 2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Q.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã P;
- Lưu hồ sơ, v/p.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân